

Huế Của Mỗi Thời

Hoàng Long Hải

Huế bây giờ đang bị ‘thương mại hóa’ vì người ta đang sửa sang lại Huế để biến Huế thành một thứ cảm dỗ du khách. Cung vàng điện ngọc, đền đài miếu mạo, lăng tẩm chùa chiền bỗng chốc biến thành một thứ ‘lạ mắt đồ chơi’ như trong vườn bách thảo, thậm chí có ‘một lũ sâu bọ thành người’ ngơ ngác bước vào điện Cần Chánh, điện Thái Hòa, mặc giả áo long bào lên ngồi bánh chọe trên ngai vàng chụp hình kỷ niệm. Đó không phải là niềm đau của Huế và người dân Huế hay sao? Nhớ năm tôi còn học tiểu học, đi theo một đám học sinh lớp Nhi trường Thành Nội được thầy giáo dẫn vào thăm Đại Nội. Vô điện Thái Hòa, anh bạn Đỗ Văn Lộc nghịch ngợm, lảng cháng leo lên ngai vàng ngồi chơi, bị thầy giáo bộp cho một bạt tai như trời giáng, còn bị mắng: ‘Không biết cái ngai vàng đó là linh thiêng, tượng trưng cho tổ quốc, cho dân tộc hay sao? Đâu phải để cho trò làm một thứ đồ chơi.’ Ôi! Cái bạt tai thấm thía một đời để hiểu cái gì là đồ chơi, cái gì tượng trưng cho dân tộc, tổ quốc (*)

Thực ra, cảnh Huế có bao giờ thay đổi đâu! Bao giờ cũng là một dòng sông Hương êm đềm, núi Ngự khi có cây, khi trọc đầu, (*) và chùa chiền miếu mạo thì muôn đời vẫn thế. Người ta có thể vẽ một bức tranh Huế thời xưa mà cũng có thể xem như Huế đời bây giờ vì nội dung trong tranh xưa nay đâu có khác mấy gì nhau. Nhìn cảnh Huế, tôi thường bị ám ảnh bởi một câu kết trong bài ‘Xóm Giếng Ngày Xưa’ của Tô Hoài: ‘Ngoài kia, qua một lớp vườn hoang là cánh đồng bao la. Buổi chiều, trẻ con thả diều, người lớn thông thả dạo mát. Cuộc đời êm đềm không một chút đổi thay như trong tranh vẽ.’ Cả ngàn năm nay, cảnh sống dân quê của người Việt Nam êm đềm không một chút đổi thay như trong tranh vẽ. Vậy kinh thành Huế thay đổi gì kể từ khi nhà Nguyễn lập kinh đô ở đây. Cảnh Huế cũng vậy chăng? Huế vẫn êm đềm, Huế không một chút đổi thay?

Cảnh Huế không đổi thay, nhưng người Huế thì thay đổi quá nhiều. Đã có biết bao nhiêu thế hệ của Huế lùi dần vào dĩ vãng, qua đi, bao nhiêu thế hệ mới nổi lên, nắm lấy vận mệnh của Huế, Huế thay đổi đến độ đau lòng!

Người ta thường chia ‘Huế xưa’, ‘Huế nay’. Xưa là thời gian nào? Và ‘nay’ có phải là Huế thời Cộng Sản đó chăng? Buồn rầu, chán nản trước cái ‘bây giờ’, người ta hoài niệm, nhớ thương cái ‘xưa kia’ và ưu tư cho những gì ‘sắp tới’! Huế xưa là xưa lắm, mà người ta có khi gọi là Huế cổ. Khi tôi lớn lên thì người Huế xưa mất bóng. Những con ‘Đường Bộ Thị’, ‘Bộ Tham’, ‘Bộ Học’ vẫn còn đó. Nhà ‘cụ Thượng’ (Thượng Thư), ‘cụ Thị’ (Thị Lang), ‘cụ Hường’ (Hồng Lô Tự Khanh) vẫn còn đó, có thể còn một hai bà vợ các cụ sống như cái bóng mờ trong những ngôi nhà kín đáo, u trầm, lặng lẽ, kín cổng cao tường, ít người lui tới mà bọn trẻ lang thang như chúng tôi chỉ thoáng thấy bóng các bà qua cửa sổ, trong sân nhà mỗi năm chưa quá vài ba lần. Bà con trong xóm đôi khi cũng còn bàn tán về sắc đẹp của họ, như đáng đi uyển chuyển sang trọng, bước chân ‘như hoa sen nở’ của ‘cụ bà Thượng Lại’ ở phía trong Xóm Chợ Xếp của tôi, hay mái tóc của ‘Mệ Sen’ con vua Thành Thái, nhà ở gần ngã tư Anh Danh mà mỗi lần chải tóc ‘Mệ’ phải đứng trên giường để mái tóc dài khỏi chấm đất. Mái tóc thật dài là đáng kiêu của người xưa, nhưng thời tôi lớn lên ‘Mệ Sen’ đã biết lái xe hơi Simca đi làm việc ở Phòng Du Lịch. Với một thứ tiếng Pháp lưu loát, - như tiếng chim kêu, -Mệ đã từng làm thư ký riêng cho Khâm Sứ Pháp ngày trước, thì nay thuận lợi cho công việc của Mệ là giải thích và hướng dẫn du khách ngoại quốc đến thăm cố đô và lăng tẩm các vị vua triều Nguyễn. Ông Thị Ngô ở cạnh nhà tôi 72 tuổi còn cưới cô vợ bé 20 tuổi, trở thành một đề tài cho bọn trẻ chúng tôi cười đùa, cho ‘Thiên hạ đàm tiếu’. Cụ có 10 móng tay dài cong vút trông thật xấu xí. Nhưng chừa móng tay dài là cung cách của người xưa muốn chứng tỏ cho mọi người biết họ có cuộc sống nhàn nhã, không phải làm công việc nặng nhọc chân tay. Mãi đến thời ‘Đệ Nhứt Cộng Hòa’ đôi khi người Huế còn thấy ‘Cậu Cả’ đi bộ lang thang qua cầu Trường Tiền hay trước ‘lầu ông Sáu’ (Tư dinh Tướng Tư Lệnh Pháp ở Miền Trung trong Chiến tranh Việt Pháp 1945-54). Cậu mặc áo trắng khuya ngà may kiểu xưa, quần ống sớ, đội nón quai gánh chóp đồng sáng bóng, đi giày ‘giòn Gia Định’, mang ‘ghệt’ da bò. Nhưng ngựa của cậu thì không còn. Cậu Cả là một người Hoàng tộc lại có bà con bên ông Thân Trọng Huề (*), là cậu Bà Ngô Đình Nhu. Cậu không có nhà, cậu ở phủ, -Phủ Ba Cửa dưới xóm Vĩ

Dạ.

Một hôm, có dịp may, tôi hỏi thân phụ một người bạn học, trước cụ làm Ngự y ở trong triều, khi già về ở xóm Chùa Bà:

- ‘Thưa cụ, Cậu Cả hình như bị bệnh gì mà hay lang thang?’
- ‘Cậu bị bệnh điên, không nặng lắm, chỉ hơi tàng tàng!’ Thân sinh người bạn tôi trả lời.
- ‘Cách cậu ăn mặc có phải là ‘môt’ của người xưa có phải không cụ?’ Tôi hỏi.
- ‘Cách ăn mặc theo thời của cậu là cách hồi xưa sang trọng lắm. Anh có nghe câu:

Nhông nhong ngựa ông đã về

Cắt cỏ Bò Đề cho ngựa ông ăn

là nói tới Cậu Cả. Cậu đi ngựa, cổ đeo lục lạc kêu leng keng, có tiểu đồng như Kim Trọng trong truyện Kiều.’

Bấy giờ, nhà cậu đã suy sụp, không còn ngựa để cưỡi, cậu chỉ cuốc bộ. Nhà cậu xa, nhưng những đêm hội chợ ở Thương Bạc, ở Phú Văn Lâu, cậu vẫn đi xem. Thấy cậu thường quanh quẩn chỗ mấy đứa con gái, bọn học trò rần rần chúng tôi thấy vậy la to ‘Cậu Cả dê’ rồi chạy trốn. Không phải chúng tôi sợ cậu đâu! Thời của Cậu Cả qua rồi, cậu không còn ‘chém đầu’ được ai! Bấy giờ có chém được ai chẳng là thời của Cậu Cẩn, - Cậu Út Trầu. Thấy Cậu Cả lang thang, chẳng ai hỏi han tới, chẳng ai chở giúp cậu về một quãng đường xa. Không phải người ta ghét cậu - Người Huế đâu có tính ‘phở thịnh’, ghét bỏ một người nay đã ‘thất thời’ nhưng giữa người Huế bình thường và người Huế ‘vua quan’, từ xưa đã có một khoảng cách đo bằng sự quyền thế và dân dã. Ngày nay sự cách biệt đó vẫn làm cho người dân thường e ngại khi tiếp xúc với các ông hoàng bà chúa còn sót lại.

Huế có câu nói ‘Ăn Bắc, mặc Kinh’ là nói tới cách ăn mặc của các ông hoàng bà chúa hay vua quan thời xa xưa, như cậu Cả, hay xưa hơn nữa mà nay chẳng còn lại ai. Bấy giờ, phần đông, các vị trưởng thượng, trong dịp lễ Tết, đi chùa, v.v... họ ăn mặc giống Tổng Thống Ngô Đình Diệm trong ngày Quốc Khánh Đế Nhứt Cộng Hòa: áo thụng xanh, - nếu có chức quyền -, quần là ống sớ; hoặc áo đen, quần cháo lòng.

Về trang phục của ‘Đức Kim Thượng’ (*) tôi từng thấy một lần tại sân Hành Cung khi vua Bảo Đại ra thăm Quảng Trị. Tôi không nhớ rõ thời gian ấy, có lẽ khi đó người lính Nhứt chưa tới Việt Nam. Hôm đó tôi được cậu tôi (thân sinh) cho nghỉ học để theo ông đi đón Đức Kim Thượng. Các thầy thông, thầy phán, thầy giáo, thầy trợ mặc quốc phục, đeo ‘bài ngà’, đứng hai bên sân Hành Cung từ cổng vào để đón nhà vua. Ai cũng phải cúi đầu không được nhìn thẳng. Tôi còn nhỏ lắm, chưa tới tuổi học lớp Đồng Ấu (*) chen vào giữa các ‘thầy trợ’, chẳng biết lễ nghĩa, luật lệ gì, cứ ló đầu ra, giương mắt ếch mà nhìn nên thấy vua rõ lắm. Một chiếc xe hơi đen dừng lại bên ngoài cổng ‘Hành Cung’, một người ăn mặc theo kiểu Tây, mở cửa sau chiếc dửng ngay cổng chính tam quan. Từ trong xe, vua Bảo Đại bước ra. Ông đứng thẳng người, cao lớn hơn người bình thường. Ông chít khăn vàng, mang kiếng đen, mặt mày phương phi, mặc áo chên vàng, thắt lưng màu vàng, quần ống sớ trắng tinh, giày da đen bóng. Bấy giờ nhớ lại, tôi nghĩ có lẽ đã có sự ‘cách tân’ trong cách ăn mặc của ông. Bảo Đại không đội mũ cánh chuồn, cầm hốt. Ông mặc áo chên - không rộng thùng thình như ‘long bào’ ta thường thấy trong tranh hay trong tuồng hát bội, không có hoa văn ‘sóng’ ở cuối vạt, mang giày da kiểu Tây, không mang hia như trong ‘làng hia mào’ (*). Bảo Đại còn ‘chơi’ thêm một nét đặc biệt: Ông vắt ngang tay trái một cái áo ấm màu trắng mà không đưa cho ai cất giữ, có phải đó là nét đặc biệt của một ‘tay chơi’ thể thao. Tay phải ông để bắt tay các quan Tây ra đón ông. Khi bắt tay, Chánh sứ, Phó sứ Tây cúi gập người mà nắm tay vua ta với vẻ trịnh trọng. Các quan ta chỉ cúi đầu vái vua, không quì xuống đất bái lạy như thời xưa. Vua đứng thẳng người, ngực hơi ưỡn, bước đi mạnh bạo, khiến các quan Tây phải đi nhanh mới kịp ông ta. Khi vua đi vào điện, ai nấy phải cúi đầu, khời tung hô vạn tuế hay la to ‘muôn năm’ như thời ‘dân chủ’.

‘Làng hia mǎo’ có nghĩa là giới hát bội mà cũng có nghĩa là giới quan trường ngày xưa, nay hoàn toàn mất dấu. Ở Huế, người ta còn kể câu chuyện về một ‘cụ Thượng’ một hôm vào Đại Nội châu vua khi vua họp triều thần. Cụ Thượng dậy thật sớm khi trời chưa sáng, sửa soạn vào triều. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, có con bò cạp vào trốn trong chiếc hia hồi nào mà cụ Thượng không hay. Con bò cạp nằm im, ‘phục kích’ ở đó, chờ khi vua đang họp với triều thần nó mới cắn cụ Thượng một phát đích đáng. Cụ Thượng đau lắm nhưng cắn răng chịu đựng, không dám có thái độ nào khác lạ có thể khiến vua cho là ‘bất kính, phạm thượng’. Cụ rón cho qua buổi chầu, nhưng cuối cùng đau quá, cụ Thượng đành té bất tỉnh khi đang quì mọp trước Đức Kim Thượng. Nhà vua tưởng cụ Thượng ‘trúng gió’ cho đem đi cấp cứu. Tháo chiếc hia ra, thấy con bò cạp trong đó, người ta mới hiểu ra có sự. Không biết vì sợ vua hay vì lòng tôn kính nhà vua đã đưa cụ Thượng vào một tai nạn đáng thương như thế.

Khi nhà Nho Trần Trọng Kim lập chính phủ thời Nhật thuộc, thành phần chính phủ hầu hết là các vị khoa bảng tân học, có vị du học bên Tây về, thấy ngần ngại nếu mang hia mǎo theo Thủ Tướng Trần Trọng Kim vào ‘chầu’ Đức Kim Thượng. Nhưng chính họ cũng không muốn ăn mặc hoàn toàn theo cách Tây để vào ‘trình diện’ trong Đại Nội. Thế là một sự phối hợp nửa Tây nửa Ta được bày ra, kể cả nhà Nho Tây học làm Thủ Tướng. Họ bèn mặc áo thụng xanh mà không mũ cánh chuồn, mang giày Tây mà không mang hia; mặc quần Tây mà bụng không mang đai, tay không cầm hốt, vào ra mắt vua Bảo Đại. Cũng là một người có Tây học nên nhà vua cũng thông cảm và dễ dàng chấp nhận một sự phối hợp Âu Á cách tân được vẽ bi hài, trong một hoàn cảnh đất nước đang đứng trước một buổi bình minh mà người ta không thể nào đoán trước được mặt trời đang mọc ở phương Tây hay phương Đông.

Dĩ nhiên tôi chưa từng thấy mặt bà ‘Nam Phương Hoàng Hậu’ tên tục là Nguyễn Hữu Thị Lan. Ngay cách gọi bà cũng là một sự ‘cách tân’ của triều đình Huế rồi. Từ đời ông Khải Định về trước, triều đình Huế không có ngôi hoàng hậu, mà chỉ có ‘thái hậu’ như tôi đã nói. Nhưng khi ông Bảo Đại ngỏ ý cưới bà Nguyễn Hữu Thị Lan, bà buộc ông vua trẻ có Tây học phải lập ngôi hoàng hậu cho bà và chỉ có một vợ một chồng như Tây Phương, không có ‘tam cung lục viện’ chứa chấp cả trăm cả ngàn cung phi mỹ nữ. Vậy mà sau này ông vua vẫn bị phê phán là mê gái, ăn chơi. Hồi ấy, ông chấp nhận những điều kiện ấy là vì ông ta ‘tiến bộ’ hơn các tiên đế, hay ông ta ‘quá mê’ cô nữ du học sinh trẻ đẹp, duyên dáng và khôn ngoan từ Pháp về, hay ông ta bị Pháp ép buộc trong cuộc hôn nhân đó? Người ta bàn tán rằng với một người vợ trung thành với Giáo hội hơn với tổ quốc, ông Bảo Đại trở thành một người tù ngay trong gia đình ông, một người bị theo dõi và giám sát khá chặt chẽ, khó có hành động nào có lợi cho dân tộc và đất nước ông và bất lợi cho quyền lợi của thực dân Pháp. Đó là sự thực hay ác khẩu? Suy cho cùng, tội nghiệp cho con chim, dù chim sẻ hay chim hồng chim hộc, bị nhốt trong một cái lồng sơn son thếp vàng.

Ngay thời kỳ trước 1945, người ta có thể thấy hình bà Nam Phương trên những con ‘tem’ Bưu Điện Đông Dương. Bà đội khăn hoàng hậu (khăn vàng xếp nhiều vành), mặc áo vàng và đeo kiềng vàng. Sau khi vua Bảo Đại thoái vị, cách ăn mặc hoàng hậu như thế không còn xuất hiện ở Huế nữa, ngay cả những chiếc áo thụng xanh nhà quan cũng biến dạng và chính ‘cậu Cẩn’ mỗi khi nhà có cúng kỵ - hoặc nhà dân chúng khi có cúng kỵ, đám cưới đám tang, đàn ông mặc ‘quốc phục’ cũng chỉ có cái áo đen may bằng vải hay bằng the (the thâm). Nhà nghèo thì áo đen vải thô, nhà giàu thì áo the đen.

Cuộc đời tôi không mấy vui khi ngày Tết được mặc áo mới. Việc ngày Tết được mặc áo mới của tôi là cái áo đen vì cái cũ nay đã chật không còn mặc được nữa. Có vui thì chỉ vui ở cái quần cũ đúng màu cháo lòng nay được thay bằng cái quần trắng tinh may bằng vải quỳn (trắng như tờ giấy quỳn là thứ giấy để vắn thuốc lá hồi bấy giờ). Mặc cái áo đen quần vải quỳn đó vào, có nghĩa là phải dậy sớm đi chùa vào sáng mùng một tết, là phải thấy tượng ông Thiện ông Ác trước hiên chánh điện mà tôi chẳng thương ông nào được dù mặt ông Thiện hiền hơn ông Ác và không mang những thứ ‘dễ sợ’ như thanh long đao hay gươm giáo giả, có nghĩa là tôi phải quì trước tượng Phật hằng giờ nghe ông thầy tụng kinh, nếu không buồn ngủ thì trí tôi cũng nghĩ tới việc đi tìm xem có tổ chim nào ở vườn sau của chùa mà không sợ mang tội sát sinh. Do đó, tôi không thể nào hiểu được việc có những bà mê tiếng tụng kinh của thầy chùa mà tôi chẳng bao giờ ưa, nói chi tới mê, dù khi tôi còn trẻ thơ hay ở tuổi già như bây giờ. Có lẽ chẳng bao giờ tôi có được ‘căn tu’ khi vào cửa Thiền hay ‘ơn kêu gọi’ khi rửa tội theo đạo Chúa.

Nói tới cái áo đen của người Huế khi họ mặc làm lễ cúng kỵ ở nhà hay đi chùa, nhà thờ, trí óc tôi vẫn thường ‘đấu tranh’ giữa câu ca dao mà nhạc sĩ Đan Trường ở Paris đã ghi lại trên đầu bài hát ‘Chiếc Áo The Thâm Tàng’ của ông xuất bản hơn nửa thế kỷ trước. Ca dao nói:

Cha đòi cái áo rách này

Mất chúng, mất bạn vì mây áo ơi!

Đan Trường đáp lại:

May mà áo rách tả tôi

Chớ không thì đã thành thời được nào.

Về câu đáp của Đan Trường, nhà văn Đình Ngân (tên thật là Lê Đình Ngân, thân sinh nhà thơ Lê Đình Long Chương bây giờ), thầy giáo dạy Việt Văn năm chúng tôi học đệ lục với ông; ông chê là dở. Ông không giải thích nhưng theo tôi hiểu có lẽ ông thầy giáo của tôi đã đạt tới một trình độ ‘siêu đẳng’ trong văn hóa Huế. Tình đời là vậy, thói đời là vậy. Chúng ta cần vượt qua những ‘thói tầm thường’ của đời thường, đạt tới ‘vô vi’ của Lão Trang, tới ‘sắc không’ của đạo Phật để thấy rằng ‘Trong trần tục, vinh nhục, ai hơn ai’ như trong Ca Huế. Chiếc áo mới là vinh vì có nhiều bạn bè đến quay quần vui chơi hay cái áo rách là nhục vì đời chỉ còn mình ta cô đơn? Thói đời vậy thôi, mắc chi phải trách ai, phiền lụy ai, phải đem cái áo rách ra mà chuối khéo thiên hạ!

Năm 1976, khi xem phim thời sự TV Thủ Tướng Phạm Văn Đồng đến dự tiệc do ông Võ Văn Sung Đại Sứ Cộng Sản Việt Nam tại Paris khoản đãi, thấy hình bà vợ ông Sung cùng chồng ra đón ông Thủ Tướng, tôi hơi ngạc nhiên về cách ăn mặc của bà này: Tóc bới, áo dài nhung và đeo bện chuỗi ngọc quanh cổ. Đó là hình ảnh các bà Huế thời trước và sau 1945, là hình ảnh của các bà thím, bà bác, các bà hàng xóm của tôi khi các bà đi chùa hay đi ăn lễ cưới. Các bà Huế không quấn tóc bằng khăn nhưng như các bà Bắc. Họ thường bới một cục sau gáy, trông trẻ trung hơn hoặc như khi hòa bình lập lại sau hiệp định Genève 1954, đạo Phật có phần chấn hưng thì các bà vẫn thêm chiếc khăn vàng.

Có điều lạ, kiểu áo ‘Le Mur’ hở cổ của bà Ngô Đình Nhu không mấy thịnh hành ở Huế thời đệ nhất Cộng Hòa. Các bà các chị ở Huế kín đáo hơn, không muốn hở hang dù một chút hay họ không ưa cách sống vượt quá vị trí của một người vợ như bà Nhu, hoặc họ không muốn quay trở lại với kiểu áo của người Hời thời xa xưa mà tổ tiên họ từng chê vì có trình độ thấp kém hơn người Việt?

Phương cách tuyên truyền của Cộng Sản là bôi cho thật đen hình ảnh giới quan quyền, trung lưu của Huế, giống như trong vở ‘Nghêu Sò Ốc Hén’ vậy. Tuy nhiên, trong bản chất, họ lại muốn bắt chước thật giống giới quan quyền ấy. Cách mạng vô sản lật đổ giai cấp phong kiến, cường hào ác bá nông thôn, nhưng khi đã có quyền, nếp sống và suy nghĩ cũng như lòng tham lam của người Cộng Sản lại rập khuôn giới cường hào ác bá trong xã hội nông thôn bị họ đánh đổ. Hoặc giả, bà Sung không thuộc thành phần vô sản hay chăng? Bà theo Cộng Sản nhưng bản chất tiểu tư sản vẫn còn y chang, có nghĩa là bà chưa ‘giác ngộ’ chủ nghĩa Mác, khác với ‘cô Nga Đen’, - như tên người ta thường gọi, dân Hà Nội chính cống, đi kháng chiến và theo Cộng Sản, là đối tượng của nhạc sĩ Tô Vũ trong bản ‘Em Đến Thăm Em Một Chiều Mưa’. ‘Người Hà Nội’ ấy hoàn toàn lột xác khi người ta thấy cô Nga đen vào tiếp thu Saigon sau 1975. ‘Cô Nga Đen Dân Hà Nội Chính Cống’ ấy đội nón cối, áo bà ba quấn khăn rằn quanh cổ, dùng quần xuống tới đầu gối, đi dép râu, đi đâu cũng mang kè kè bên mình chiếc ‘xắc cốt’ và chiếc võng ‘Vượt Trường Sơn do Trung Quốc sản xuất’.

Lên cấp Trung Học, các cô gái Huế hơn hờ đến trường với chiếc áo dài trắng nữ sinh Đồng Khánh, mái tóc đen buông sau lưng. Lớn hơn chút nữa khi vào cấp ba, các cô ưa mặc áo lụa trắng, áo vàng màu hoàng yến, màu tím than đi phố, đi ciné chiều thứ bảy, chủ nhật. Người Huế không ưa áo màu sáng, họ ưa màu hơi sẫm một chút. Áo nhung màu đen, áo nhung màu xanh đậm là những màu thường thấy trên áo các bà. Màu tím, nhứt là màu tím than, là màu rất ‘phổ thông’ của các cô chưa chồng hay đã có chồng nhưng còn

trẻ. Tôi không rõ sự ưa chuộng đó đã có từ xưa, từ trong màu của ‘Tứ Cẩm Thành’ (*), ‘Màu thời gian tím ngắt’ của Đoàn Phú Tứ hay ‘Tím cả chiều hoang biền biệt’ của Hữu Loan. Có người cho đó là màu tình yêu lãng mạn, màu tình yêu tha thiết như trong thơ Xuân Diệu hay bất cứ cô cậu học trò nào từng làm thơ. ‘Nữ sinh Đồng Khánh ngày xưa, Xui hoàng hôn tím trang thơ học trò’ hoặc ‘Trên đôi sim con bướm khóc rung rung, mang tâm tư mười chín tuổi ngập ngừng’ của học trò Trần Văn Kinh vậy.

Vào Saigon, người Huế ngạc nhiên với hình ảnh người đàn bà mặc áo bà ba ra phố mà ở Huế chưa từng thấy bao giờ. Huế kín đáo, Huế kín cổng cao tường, Huế thâm nghiêm là vậy. Người đàn bà con gái ra đường bao giờ trên mình cũng có chiếc áo dài, dù giàu có hay người dân dã, lao động. Những người phải gánh gồng, áo dễ sờn vai nên chỉ có Huế mới có áo nổi vai. Huế không thiếu hình ảnh áo màu nâu nổi vai trắng nơi các dì, các chị bán bún bò dạo.

Sau khi anh cả tôi cưới vợ năm 1955, hai bà cô tôi kêu cô dâu mới lại bảo:

- Có chồng rồi, không được để tóc thả, không được kẹp, phải bới cao lên.

Thế là mái tóc Huế biến mất. Thời ấy nếu quý vị để ý một người con gái Huế nào đó, không cần xem cô ta có mang nhẫn cưới hay chưa, chỉ cần thấy họ còn để tóc thả như kiểu các cô gái Huế hay bới cao lên thì biết đó là hoa đã có chủ hay còn ‘đi sớm về trưa một mình’. Để phản kháng một cách tiêu cực, không ai chê trách mình được, bà chị dâu tôi ‘phi-dê’ là xong chuyện.

Từ khi ‘cụ Ngô’ làm ‘Tổng Thống’ chấn hưng truyền thống dân tộc mà Hà Nội gọi là phục hồi ‘phong kiến phản động’ thì việc mặc áo thụng xanh, chiếc áo của giới quan lại ngày xưa bỗng xuất hiện nhiều nơi: Trên mình các ông Tỉnh Trưởng, phó Tỉnh và trưởng phòng, các ‘chức sắc’, v.v... trong các dịp lễ Quốc Khánh hay Tết nhứt, thậm chí trong các lễ cưới của con cháu.

Nay trang phục cô dâu trong lễ cưới là chiếc áo kép (hai lớp) thay vì mặc hai áo như xưa, mặc thêm ngoài chiếc áo rộng màu vàng thêu rồng phượng và đội chiếc khăn vàng như kiểu Hoàng Hậu Nam Phương. Quả thật các cô cũng muốn làm hoàng hậu của chồng mình với một điều luật khắt khe như bà Nam Phương đã buộc ông Bảo Đại, lại cũng cố thêm bằng bộ luật Gia Đình của bà Ngô Đình Nhu mà có người ta đồn Bà Nhu muốn ‘công giáo hóa’ người Việt Nam.

Tôi chẳng cần bàn đúng sai cho mất công, chỉ lưu ý một điều, ngay cả về cách ăn mặc, người Huế cũng đã cách tân quá nhiều kể từ khi ông Bảo Đại về làm vua, nói chi tới cái gọi là ‘cách mạng tháng Tám’

hoànglonghải/tuechương

Chú thích:

(*) Mấy năm trước, nhân chuyện Bill Clinton đem Monica vào phòng bầu dục để bày trò chơi, tôi có nói với Ông Frederic Jackson, giáo sư Anh Văn của tôi: ‘Phòng bầu dục là nơi các vĩ nhân Hoa Kỳ như Abraham Lincol, Roosevelt từng làm việc, để phục vụ cho dân tộc Mỹ, để thực hiện lý tưởng bình đẳng của dân tộc Mỹ, để phục vụ cho nền hòa bình của nhân loại, người ta ai ai cũng phải kính trọng căn phòng ấy, đâu phải là nơi cho Bill đem gái vào đây! Bộ hết chỗ chơi rồi sao?’ Vị thầy của tôi cười buồn lắc đầu, mặc dù ông cũng là một thành viên đảng Dân Chủ Mỹ. Tổng Thống Mỹ Bill Clinton nên học câu tục ngữ sau đây của người Việt: ‘Ăn có nơi chơi có chốn.’

(*) Trước 1945, núi Ngự có trồng thông. Trong chiến tranh Việt Pháp 1945-54, thực dân Pháp đốn trọc cây trên núi Ngự để phòng Việt Minh ẩn núp trên núi pháo kích xuống thành phố Huế. Trước cảnh đó, cụ Ứng Bình Thúc Giạ có hai câu thơ, tả cảnh Huế thời bấy giờ:

Núi Ngự không cây chim ngủ đất

Sông Hương vắng khác đĩ kêu trời.

(*) Ông Thân Trọng Huề, (Tổng Đốc Hàm Thượng Thư), Tôn Thất Thuyết cũng Thượng thư. Khi Tôn Thất Thuyết chuyên quyền, rất hay chém giết. Ông Trần Tiễn Thành, phụ chính đại thần, cũng bị giết. Cả kinh thành đều sợ ông Tôn Thất Thuyết. Người Huế còn nhắc chuyện một hôm ông Tôn Thất Thuyết đi Tân Sở về, kiệu vào cửa Chánh Tây, gặp lúc kiệu ông Thân Trọng Huề đi ra. Không kịp xuống kiệu chào ông Tôn Thất Thuyết, ông Thân Trọng Huề sợ, bèn muốn tránh mặt ở kinh đô, xin ra làm Tổng Đốc Hải An, thành ra mới có một nhánh họ Thân bên ngoại Bà Ngô Đình Nhu ở Bắc Hà. Họ Thân và họ Hà (Hà Thúc) là hai họ lớn ở Huế, làm quan nhiều đời, đến nỗi vua Tự Đức có câu thơ:

Thân Thân, Hà Hà, thiên hạ vô gia

Hà Hà, Thân Thân, thiên hạ vô dân

Nếu thiên hạ họ Thân họ Hà hết thì không còn nhà (vì ở nhà quan), không còn dân (vì làm quan hết). Ý câu nói gần giống như ‘Ô Y Hạng’ trong bài thơ ‘Đêm Thu Nghe Quạ Kêu’ của Quách Tấn vậy.

(*) Đức Kim Thượng: Người cao nhất hiện nay, tức là vua.

(*) ‘Làng hia mào’: Gánh hát bội, giới vua quan mang hia đội mào.

(*) ‘Tử Cẩm Thành’ tức là Đại Nội, chỗ vua ở và làm việc. Tử là màu tím, nghĩa giống như ‘tia tử ngoại’